

Bản án số: 19/2022/DS-PT
Ngày 25-4-2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn

Bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 6 tháng 1 năm 2022 về “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Làng G, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: Làng G, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Làng G, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 6-7-2016, bà P vay của bà 81.000.000 đồng với thời hạn vay là 1 tháng; sự việc được lập bằng “*giấy mượn tiền*” và bà P ký tên bà.

Cũng trong ngày 6-7-2016, bà P vay của bà 291.800.000 đồng với thời hạn vay là 1 tháng; sự việc này cũng được lập bằng “*giấy mượn tiền*”, có chữ ký nhận nợ của bà P và chồng bà P là ông L.

Tổng hai lần vay tiền thì bà P, ông L vay của bà 392.800.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bà viết 391.800.000 đồng là không chính xác.

Ngày 12-8-2016, bà P trả 120.000.000 đồng; năm 2018, bà P trả

10.000.000 đồng.

Hiện bà P, ông L còn nợ 242.800.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà P trả cho bà 252.800.000 đồng nợ gốc và nợ lãi dự tính là 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bà P, ông L phải trả cho bà 242.800.000 đồng.

Bà không yêu cầu bà P, ông L trả lãi.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Từ năm 2009, bà vay tiền của bà H nhiều lần, đều có thỏa thuận trả lãi. Đến tháng 7 năm 2016, bà H cộng dồn nợ gốc và nợ lãi, thành 81.000.000 đồng, rồi viết giấy mượn tiền yêu cầu bà ký nhận nợ.

Chiều ngày 6-7-2016, bà H đi xe máy dẫn theo khoảng 7 đến 8 người đi trên 1 xe taxi đến nhà bà, đe dọa, đánh đập vợ chồng bà, bắt vợ chồng bà ký vào giấy mượn tiền thứ hai. Vì quá sợ hãi nên bà và chồng là ông L đã buộc phải ký vào giấy mượn tiền.

Vì vợ chồng bà không có chứng cứ chứng minh bị bà H đe dọa, đánh đập và buộc ký vào tờ giấy mượn tiền thứ hai, nên vợ chồng bà không tố cáo hành vi của bà H.

Ngày 12-8-2016, bà đã trả cho bà H 120.000.000 đồng; năm 2018, bà đã trả cho bà H 10.000.000 đồng.

Chỉ có một mình bà vay tiền của bà H, chồng bà không liên quan đến khoản nợ này.

Bà còn nợ bà H 242.800.000 đồng, đây là nợ riêng của bà, nên một mình bà có nghĩa vụ trả nợ.

Hiện nay, gia đình bà khó khăn, bà đề nghị trả cho bà H làm nhiều lần và không phải trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của vợ ông là bà P.

Ông thừa nhận chữ ký “Luu” và chữ viết tên “Nguyễn Văn L” trong giấy mượn tiền đề ngày 6-7-2016 do bà H cung cấp có trong hồ sơ vụ án là chữ ký, chữ viết của ông.

Việc ông ký nhận, xác nhận có nghĩa vụ cùng với vợ ông trả nợ cho bà H là không tự nguyện, mà bị đe dọa.

Ngày 12-8-2016, vợ chồng ông đã trả cho bà H 120.000.000 đồng. Việc vay tiền của bà H do một mình vợ ông thực hiện, nên là nợ riêng của vợ ông.

Ông đề nghị Tòa án buộc một mình vợ ông trả nợ cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 và tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 28/2021/QĐ-SCBSBA ngày 23 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 163, Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

- Buộc vợ chồng Bà Nguyễn Thị P, Ông Nguyễn Văn L trả cho Bà Nguyễn Thị H 242.800.000 đồng nợ gốc.

- Buộc Bà Nguyễn Thị P phải chịu 12.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà H 9.295.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001333 ngày 13-8-2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 8-12-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo (đề ngày 5-12-2021) với nội dung:

Ông không đồng ý trả nợ 242.800.000 đồng cùng với vợ ông là bà P. Yêu cầu bà H cho biết chứng từ vợ ông vay trước ngày 6-7-2016; trong ngày 6-7-2016, vợ ông không thể nào vay của bà H một số tiền lớn trong một ngày. Chữ ký và chữ viết dưới mục chồng cùng vợ trả tiền không phải là của ông, số tiền 291.800.000 đồng là tiền lãi của 81.000.000 đồng trong 4 năm từ 2012 đến năm 2016; hai lần giải quyết tại UBND xã có Chủ tịch, Công an xã, ông không được tham gia.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ kháng cáo.
- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông L kháng cáo với các nội dung:

Ông không đồng ý trả nợ 242.800.000 đồng cùng với vợ ông là bà P. Yêu cầu bà H cho biết chứng từ vợ ông vay trước ngày 6-7-2016; trong ngày 6-7-2016, vợ ông không thể nào vay của bà H một số tiền lớn trong một ngày. Chữ ký và chữ viết dưới mục chồng cùng vợ trả tiền không phải là của ông, số tiền 291.800.000 đồng là tiền lãi của 81.000.000 đồng trong 4 năm từ 2012 đến năm 2016; hai lần giải quyết tại UBND xã có Chủ tịch, Công an xã, ông không được tham gia.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu là 2 văn bản đọc được có tiêu đề là “*giấy mượn tiền*”, cùng đề ngày 6-7-2016; tài liệu thứ nhất có nội dung, ngày 6-7-2016, bà P “*mượn*” bà H 81.000.000 đồng trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 6-7-2016, cuối tài liệu này có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị P; tài liệu thứ hai có nội dung, ngày 6-7-2016, bà P “*mượn*” bà H 291.800.000 đồng trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 6-7-2016; tài liệu này có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị P và ở cuối tài liệu, dưới hàng chữ “*chồng cùng vợ trả tiền này*” có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn L.

Tuy tại 2 tài liệu ghi là “*mượn*” tiền, nhưng theo quy định tại Điều 495 của Bộ luật dân sự thì tiền là tài sản tiêu hao, nên cần phải hiểu là bà P đã vay tiền của bà H.

Như vậy, ngày 6-7-2016, bà P vay tiền của bà H 2 lần, một lần vay 81.000.000 đồng và một lần vay 291.800.000 đồng, tổng cộng là 372.800.000 đồng, là sự kiện có thật.

- Tại Toà án cấp sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị P thừa nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị P tại 2 tài liệu này do bà ký và viết ra; Ông Nguyễn Văn L thừa nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn L dưới hàng chữ “*chồng cùng vợ trả tiền này*” tại “*giấy mượn tiền*” của khoản vay 291.800.000 đồng do ông ký và viết ra, sở dĩ ông phải ký, viết tên như vậy là do bà H đe dọa, ép buộc nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh cho sự việc bị bà H đe dọa, ép buộc.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông L trình bày rằng, do bà H đe dọa, ép buộc nên ông ký tên, viết tên Nguyễn Văn L một lần dưới hàng chữ “*chồng cùng vợ trả tiền này*” tại “*giấy mượn tiền*” của khoản vay 291.800.000 đồng và đó là chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn L phía bên phải, còn chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn L bên trái không phải do ông ký, viết ra, khi xem bản gốc của tài liệu do bà H giao nộp lại có 2 chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn L là không đúng.

Xét, đây chỉ là lời khai của một mình Ông Nguyễn Văn L. Tuy khai như vậy, nhưng Ông Nguyễn Văn L không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Mặt khác, ông L cũng đã thừa nhận ông là người ký, viết tên Nguyễn Văn L dưới hàng chữ “*chồng cùng vợ trả tiền này*” tại “*giấy mượn tiền*” của khoản vay 291.800.000 đồng và đó là chữ ký, chữ viết Nguyễn Văn L phía bên phải. Sự việc này chứng tỏ Ông Nguyễn Văn L biết vợ ông vay tiền của bà H và cho dù ông ký, ghi tên 1 lần hay 2 lần thì ông cũng đã cam kết “*chồng cùng vợ trả tiền này*”.

- Tại Toà án cấp sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị P trình bày rằng, bà có vay của bà H 372.800.000 đồng và đã trả 130.000.000 đồng, còn nợ bà H 242.800.000 đồng, bà vay tiền của bà H để buôn bán và nuôi con (*Biên bản phiên toà sơ thẩm, mặt sau của bút lục số 77*), đây là nợ riêng của bà, nên một mình bà có nghĩa vụ trả nợ. Ông Nguyễn Văn L trình bày rằng, việc vay tiền của bà H do một mình vợ ông thực hiện, nên là nợ riêng của vợ ông và ông đề nghị Tòa án buộc một mình vợ ông trả nợ cho bà H.

- Pháp luật không quy định, tại một thời điểm, bên cho vay và bên vay không được xác lập với nhau nhiều hợp đồng vay tài sản; mặt khác, tham gia tố tụng, bà P không có lời khai nào về sự việc ngày 6-7-2016, bà không vay 81.000.000 đồng và không vay 291.800.000 đồng của bà H, mà lại thừa nhận bà còn nợ do vay của bà H 242.800.000 đồng.

- Sự việc Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ giải quyết hay không giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà P, đều không phải là điều kiện khởi kiện mà pháp luật quy định.

- Tuy tài liệu thứ nhất có nội dung, ngày 6-7-2016, bà P “*mượn*” bà H 81.000.000 đồng trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 6-7-2016, cuối tài liệu này có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị P; tại tài liệu thứ hai có nội dung, ngày 6-7-2016, bà P “*mượn*” bà H 291.000.000 đồng trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 6-7-2016;

nhưng ở cuối tài liệu này, có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn L dưới hàng chữ “*chồng cùng vợ trả tiền này*”.

Khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định rằng, nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.

Khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định rằng, nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Ông L và bà P là vợ chồng. Tham gia tố tụng, tuy Ông Nguyễn Văn L khai rằng, ông không đồng ý cùng bà P trả 242.800.000 đồng cho bà H vì đây là khoản vay riêng của bà P, nhưng ông L là không xuất trình chứng cứ nào để chứng minh cho việc trả 81.000.000 đồng và 291.800.000 đồng là nghĩa vụ riêng của bà P đối với bà H.

[2] Các nhận định trên cho thấy, với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng bà P, ông L trả cho bà H 242.800.000 đồng, là có căn cứ; kháng cáo của ông L là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng các Điều 163, Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

- Buộc Bà Nguyễn Thị P và Ông Nguyễn Văn L trả cho Bà Nguyễn Thị H 242.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Bà Nguyễn Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, Bà Nguyễn Thị P và Ông Nguyễn Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Bà Nguyễn Thị P phải chịu 12.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Bà Nguyễn Thị H 9.295.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001333 ngày 13-8-2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006579 ngày 13-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Ông Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng

